

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học
của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHKH, ĐHTN;
- Lưu: VT.


**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**
Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học
của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên**

*(Kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4	4,00	5	100
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	4,29	7	100	Tiêu chí 10.3	4	4,00	6	100
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4	4,00	4	100	Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình		Số tiêu chí đạt			Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)				
3,98		46			92				



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Toán học của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định, bao quát được yêu cầu chung và chuyên biệt, được rà soát và điều chỉnh, có sự tham gia của các bên liên quan. CTĐT và chuẩn đầu ra được ban hành bằng quyết định chính thức, công bố công khai minh bạch và phổ biến rộng rãi.

2. Bản mô tả CTĐT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thể hiện ma trận liên kết, phân nhiệm chuẩn đầu ra của CTĐT với các học phần và đối sánh với các chương trình uy tín trong nước; được cập nhật, có sự tham gia góp ý của các bên liên quan. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng theo mẫu thống nhất, ban hành chính thức và đảm bảo đầy đủ thông tin cần thiết, được rà soát, cập nhật. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. CTĐT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Tổ hợp các phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát, cập nhật với sự tham gia của giảng viên, chuyên gia, cựu người học và đơn vị tuyển dụng, bổ sung một số học phần mới. Chương trình dạy học được thiết kế có cấu trúc chặt chẽ, hợp lý, từ kiến thức đại cương đến chuyên ngành. Các học phần được bố trí hợp lý, giúp người học tích lũy kiến thức nền tảng và phát triển chuyên môn. CTĐT được rà soát, điều chỉnh dựa trên đối sánh với các CTĐT trong nước, đảm bảo tính cập nhật và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục “Toàn diện - Khai phóng - Hội nhập” của Trường được tuyên bố chính thức, được công bố công khai, được phổ biến đến giảng viên và người học vận dụng trong tổ chức vận hành CTĐT. Các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng, phù hợp với nội dung và chuẩn đầu ra của chương trình. Giảng viên áp dụng nhiều phương pháp dạy học hiện đại như thảo luận, dự án, học qua nghiên cứu và hoạt động nhóm. Người học được hướng dẫn phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, tự học, tự nghiên cứu thúc đẩy hình thành kỹ năng mềm, năng lực tự học và học tập suốt đời.

5. Các quy định, quy trình, kế hoạch về đánh giá kết quả học tập của người học đầy đủ và rõ ràng. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi được thể hiện rõ ràng, được công khai minh bạch trên nhiều kênh thông tin. Sinh viên được phổ biến đầy đủ các quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá, đảm bảo quyền được biết và giám sát quá trình học tập. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được triển khai phong phú, linh hoạt và phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần. Việc tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm và công bố kết quả được kiểm soát chặt chẽ, góp phần đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng. Việc phản hồi kết quả học tập được thực hiện kịp thời, minh bạch. Quy trình phúc khảo và khiếu nại kết quả học tập được quy định rõ ràng, minh bạch, dễ tiếp cận; các khiếu nại, phúc khảo được xử lý kịp thời, đảm bảo công bằng, đúng quy định và được lưu trữ, thống kê hằng năm.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch theo chiến lược phát triển của Trường theo từng giai đoạn, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của CTĐT đảm bảo yêu cầu theo quy định. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại. Nhà trường/Khoa thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu theo quy định. Công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường/Khoa thực hiện theo quy định. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát để cải tiến chất lượng.

7. Đội ngũ nhân viên được quy hoạch dựa trên dự báo nhu cầu hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên ở thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các đơn vị hỗ trợ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và ổn định. Nhà trường có quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng và công khai. Công tác đánh giá năng lực được thực hiện thường xuyên với tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ cao. Việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai hiệu quả, có cơ chế khen thưởng, công nhận và đăng ký kế hoạch công tác hằng năm cho viên chức, người lao động.

8. Chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được thể hiện rõ ràng, minh bạch và có sự cải tiến qua các năm. Hệ thống giám sát học tập và rèn luyện được thiết lập có cơ cấu tổ chức, quy trình vận hành rõ ràng và được quy định cụ thể trong các văn bản của Trường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin qua các phần mềm quản lý đã bước đầu hỗ trợ hiệu quả cho công tác theo dõi và xử lý kết quả của sinh viên. Hoạt động hỗ trợ người học đa dạng, phong phú, từ tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, đến hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp, kết nối với doanh nghiệp để tạo cơ hội thực tập chuyên môn cho sinh viên. Nhà trường tạo dựng được môi trường học tập đảm bảo an toàn, vệ sinh và thân thiện, được định hướng bởi các quy định rõ ràng về văn hóa ứng xử. Các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, y tế học đường được triển khai bài bản, tạo sự yên tâm cho người học.

9. Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, và các phòng chức năng cùng các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện hiện đại, kết hợp hài hòa giữa không gian mở, với nhiều tiện ích dành cho cá nhân, nhóm và cộng đồng; nguồn lực thông tin đa dạng, cập nhật và truy cập mở tới một số thư viện trong nước, quốc tế; được quản lý, vận hành bởi phần mềm ElibLRC, công nghệ RFID, hạ tầng số. Sinh viên được cung cấp đầy đủ phòng thực hành tin học và thực hành nghiệp vụ chuyên môn với trang thiết bị chuyên dụng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật bảo đảm cho hệ thống hoạt động ổn định và an toàn. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được ban hành và áp dụng như vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, tập huấn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn xã hội.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Quy định việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường, được đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Trên cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đã đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp, dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật. Xác định đầy đủ nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên, người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT bổ sung, cụ thể hóa năng lực số theo quy định mới về Khung năng lực số cho người học; rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra để đảm bảo tính đặc tả, định lượng và khả năng đo lường; đa dạng hóa hình thức phổ biến chuẩn đầu ra cho sinh viên, triển khai hệ thống đánh

giá mức độ đạt chuẩn đầu ra sau tốt nghiệp để kiểm chứng hiệu quả và sự phù hợp của chuẩn đầu ra.

2. Rà soát Bản mô tả CTĐT, điều chỉnh ma trận phân nhiệm, tương quan chuẩn đầu ra với các học phần, đảm bảo tính khoa học và sự tương thích; bổ sung mức độ đóng góp của phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, áp dụng thang đo kỹ năng 5 bậc (Bloom, Dave hoặc Dreyfus) trong đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng; chuẩn hóa đề cương chi tiết học phần, bổ sung ma trận liên kết chuẩn đầu ra học phần và nội dung, chương mục của học phần; mô tả chi tiết nội dung tự học và phương thức đánh giá tự học, cập nhật các tài liệu học tập mới, xây dựng đề cương học phần Khóa luận tốt nghiệp; hoàn thiện công khai theo hướng tập trung, đồng bộ, thân thiện với người dùng.

3. Rà soát, đánh giá hoàn thiện ma trận phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra với minh chứng rõ mức độ đạt được chuẩn đầu ra, hoàn thiện ma trận tương quan học phần - chuẩn đầu ra CTĐT cho tất cả học phần, kể cả học phần tự chọn; xây dựng bảng tương quan chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, mức độ năng lực, bảng liên hệ cụ thể giữa hình thức kiểm tra đánh giá và từng chuẩn đầu ra; đa dạng hóa phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa phương pháp dạy - học - đánh giá bằng rubrics chi tiết; mở rộng quy mô lấy ý kiến các bên liên quan, nhất là đơn vị tuyển dụng; xây dựng kế hoạch đánh giá chuẩn đầu ra của sinh viên sau tốt nghiệp; cập nhật và bổ sung tài liệu học tập, tài liệu tham khảo hiện đại, gắn với ứng dụng và xu thế công nghệ mới; mở rộng đối sánh, tham khảo các CTĐT quốc tế để nâng cao tính cập nhật, hội nhập.

4. Đẩy mạnh truyền thông và lan tỏa triết lý giáo dục đến các bên liên quan, đặc biệt là cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, lồng ghép việc phổ biến, thảo luận về triết lý giáo dục trong các khảo sát, hội nghị cải tiến chương trình và hoạt động sinh viên; tăng cường hỗ trợ sinh viên năm thứ nhất thông qua các buổi tập huấn, hướng dẫn phương pháp học tập đại học; khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu, hội thảo và các dự án học tập, tạo môi trường học tập năng động, gắn với thực tiễn; rà soát, bổ sung mô tả chi tiết hơn nội dung tự học và đánh giá tự học trong đề cương một số học phần, tăng cường hoạt động hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên nhằm phát triển kỹ năng tự học và năng lực học tập suốt đời.

5. Đa dạng hóa các hình thức đánh giá như bài tập nhóm, dự án học tập, vấn đáp, trình bày sản phẩm... để đo lường đầy đủ hơn các năng lực toàn diện của người học; hướng dẫn cụ thể về đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT thông qua dữ liệu điểm kiểm tra - đánh giá học phần, thống nhất ma trận đề thi giữa các bộ môn; tăng cường công tác truyền thông, hướng dẫn sinh viên hiểu rõ các quy định về kiểm tra - đánh giá, phản hồi, phúc khảo thông qua nhiều kênh như lớp học, cố vấn học tập, hệ thống LMS hoặc video hướng dẫn; hướng dẫn xây dựng hồ sơ kiểm tra đánh giá học phần (ma trận đề thi, bảng điểm chi tiết) cách thức đo lường từng chuẩn đầu ra học phần, bảo đảm có minh chứng cụ thể về mức độ đạt được của người học đối với từng chuẩn đầu ra; xây dựng quy trình đánh giá, thẩm định đề thi, công cụ kiểm tra đánh giá học

phần, áp dụng các phương pháp thống kê (phân tích độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy...), nâng cao tính giá trị và độ tin cậy của đề thi; tổng hợp, phân tích điểm đánh giá để theo dõi việc đạt chuẩn đầu ra, làm cơ sở cho cải tiến CTĐT; hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, phân quyền cho giảng viên và cố vấn học tập công bố, theo dõi, phản hồi kết quả học tập của sinh viên kịp thời, khuyến khích sử dụng hệ thống LMS để quản lý tiến trình học tập hiệu quả hơn; hướng dẫn, phổ biến trực quan và thường xuyên hơn về quy trình phúc khảo, khiếu nại kết quả học tập để sinh viên dễ hiểu, dễ thực hiện.

6. Có giải pháp nâng tỷ lệ giảng viên là tiến sĩ trở lên của CTĐT; xác định đầy đủ, lượng hóa các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên dựa trên bộ năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên đã xác định trong đề án vị trí việc làm; ban hành quy định đánh giá năng lực giảng viên với các tiêu chí được lượng hóa và tiến hành đánh giá năng lực giảng viên để phục vụ cho các mục đích khác nhau; có giải pháp nâng cao kết quả hoạt động khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy các học phần chuyên nghiệp của CTĐT.

7. Xây dựng công cụ chuẩn hoá trong quy hoạch, quan tâm nội dung quy hoạch, phát triển, nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của nhân viên trong kế hoạch, chiến lược phát triển Trường; chú trọng phân tích đầy đủ, toàn diện, chi tiết nhu cầu về đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng làm cơ sở cho quy hoạch, tuyển dụng, nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên, cán bộ hỗ trợ; hoàn thiện chính sách tuyển dụng và bổ nhiệm nhằm thu hút, giữ chân được người có năng lực, có trình độ về làm việc tại các vị trí việc làm đặc thù ở một số đơn vị hỗ trợ; đa dạng hoá hình thức công khai thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên góp phần lan toả rộng khắp tới các bên liên quan; nghiên cứu cải tiến công cụ, phương pháp đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ, nhân viên theo hướng thực chất, đảm bảo đánh giá đúng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo mức độ đã được xác định trong đề án vị trí việc làm; thực hiện khảo sát đầy đủ, định kỳ hàng năm nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo yêu cầu công việc gắn với từng vị trí việc làm, theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân viên; bổ sung làm rõ khối lượng công việc của từng nhân viên trong một nhóm vị trí trong các quy định liên quan, cải tiến bảng phân công hoặc kế hoạch công tác cụ thể hàng năm của từng nhân viên góp phần nâng cao độ chính xác và hiệu quả quản trị công việc theo kết quả; ban hành quy trình xử lý công việc góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp, cải thiện tiến độ xử lý công việc; rà soát cải tiến việc lấy ý kiến góp ý của viên chức, người lao động đối với các dự thảo quy định, quy chế theo hướng hệ thống, bài bản, chú trọng xử lý và lưu trữ ý kiến đóng góp đầy đủ, hệ thống.

8. Ban hành quy trình chính thức, quy định rõ về việc thu thập, phân tích và sử dụng ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bên ngoài (đặc biệt là nhà tuyển dụng và cựu sinh viên); triển khai các hoạt động khảo sát và nghiên cứu thị trường lao động hàng năm để có dữ liệu về nhu cầu nguồn nhân lực, làm cơ sở để xem xét, điều chỉnh chính sách, phương pháp và chỉ tiêu tuyển sinh cho phù hợp; đầu

tư nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung các chức năng tự động hóa việc thống kê, báo cáo và cảnh báo sớm (xếp hạng năm đào tạo, xếp hạng học lực, theo dõi chậm tiến độ); triển khai thực hiện công nhận việc xếp hạng năm đào tạo và xếp hạng học lực cho sinh viên sau mỗi học kỳ theo đúng quy định; rà soát và thiết kế lại bộ công cụ khảo sát người học, đảm bảo bao quát đầy đủ các nội dung còn thiếu: mức độ hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ (tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp...) và các khía cạnh của môi trường tâm lý - xã hội (mức độ căng thẳng, sự gắn kết...); phân tích kết quả khảo để lập kế hoạch cải tiến chất lượng cho các hoạt động hỗ trợ; xây dựng lộ trình cụ thể để thành lập một bộ phận chuyên trách về tư vấn tâm lý học đường; triển khai các giải pháp hỗ trợ như tổ chức các hội thảo chuyên đề về sức khỏe tinh thần, kỹ năng quản lý cảm xúc, thiết lập các kênh tư vấn ẩn danh (email, hòm thư...) do Phòng Công tác học sinh - sinh viên phụ trách để sinh viên có địa chỉ tin cậy khi cần chia sẻ.

9. Xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích và trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng quy định của Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; tối ưu hóa module quản lý thư viện trong không gian số và phát triển nguồn nhân lực vận hành, khai thác thư viện; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thực hành đáp ứng Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT và đánh giá dựa theo bộ tiêu chuẩn này; cập nhật thiết bị tường lửa và các phần mềm diệt virus, hoàn thiện và tối ưu hóa các module quản lý, quản trị Trường; ban hành bộ tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, điều chỉnh môi trường đáp ứng nhu cầu người khuyết tật.

10. Tăng số lượng lấy ý kiến đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học cùng ngành từ các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước, hội nghề nghiệp chuyên ngành khi xây dựng, rà soát phát triển CTĐT; tổ chức xin ý kiến các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh lại quy định về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sao cho rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức hội nghị/hội thảo tổng kết, đánh giá công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động khảo sát; xem xét tổng hợp các văn bản quy định về rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ... thành một quy định cụ thể để các bộ môn/khoa dễ dàng thực hiện đầy đủ và thống nhất; đi sâu phân tích về sự phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần để cải tiến hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá ngày càng phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần, góp phần đạt chuẩn đầu ra của CTĐT cho người học; đầu tư trang bị phòng thực hành tiếng cho người học; lưu ý đến các nghiên cứu cải tiến, phát triển CTĐT trong nghiên cứu khoa học; xem xét phân công trách nhiệm chủ trì toàn bộ hoạt động khảo sát sự phản hồi của các bên liên quan cho đơn vị chuyên trách để hoạt động thống nhất và quản lý dữ liệu tập trung và xây dựng kế hoạch cải tiến mang tính bao quát, toàn diện; xây dựng kế hoạch tổng thể cải tiến chất lượng và đánh giá hiệu quả cải tiến sau hoạt động khảo sát hàng năm.

11. Quan tâm thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học theo hướng tăng quy mô các cơ sở giáo dục được đối sánh, xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu

thể tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập và giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT; phân tích, đánh giá kết quả đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp CTĐT có việc làm trong nội bộ cơ sở giáo dục và các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực để đề xuất những giải pháp phù hợp cho hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT và hỗ trợ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp; có giải pháp cụ thể, phù hợp để lựa chọn một số cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT cho hoạt động đối sánh về loại hình, số lượng nghiên cứu khoa học sinh viên, kết quả đối sánh cần được phân tích, đánh giá để sử dụng cho hoạt động cải tiến số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên; thực hiện khảo sát các bên liên quan ngoài trường (cựu người học, nhà sử dụng lao động) thường xuyên/định kỳ về mức độ hài lòng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ, tổ chức hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan trong nội bộ Nhà trường và giữa CTĐT của cơ sở giáo dục với CTĐT của các cơ sở giáo dục khác.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.